

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày 17- 9 -2024

“V/v Tranh chấp phân chia tài
sản chung và chia di sản thừa
kế”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Mạnh Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lan

Ông Lê Thanh Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Đức Thiện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Chí Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 29/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 16/8/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ A C, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có mặt

- Bị đơn: Ông Hồ Văn R, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai không có lý do

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hồ Thị C1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Bản G, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt

+ Ông Hồ Ra Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

+ Ông Hồ Văn E, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

+ Bà Hồ Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

+ Bà Hồ Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Ra Đ, ông Hồ Văn E, bà Hồ Thị N và bà Hồ Thị H: Ông Hồ Văn Đ1, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. (Giấy ủy quyền ngày 08/5/2024); Có mặt.

Người phiên dịch: Ông Hồ Quốc P; Trú tại: K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Hồ A C và bà Hồ Thị V (Hồ Thị V1) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1963 đến ngày bà Hồ Thị V mất (31/12/2022) mà không đăng ký kết hôn (có xác nhận của UBND xã T). Bà Hồ Thị V mất vào ngày 31/12/2022 (theo giấy trích lục khai tử số 15/TLKT ngày 07/9/2023 của UBND xã T), không để lại di chúc. Quá trình chung sống ông Hồ A C và bà Hồ Thị V có 06 người con chung bao gồm: Bà Hồ Thị C1, ông Hồ Ra Đ, ông Hồ Văn E, bà Hồ Thị N, ông Hồ Văn R, bà Hồ Thị H. Bố mẹ của bà Hồ Thị V đều đã chết trước ngày 31/12/2022. Quá trình chung sống gia đình ông Hồ A C và bà Hồ Thị V được Nhà nước cấp 01 mảnh đất có diện tích 3.552 m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: Bản I (nay là thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 592385 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2004. Quá trình chung sống ông C và V có xây dựng một ngôi nhà sàn làm bằng gỗ để sinh sống.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích là 3.552m². Tuy nhiên, sau khi đo vẽ lại hiện trạng và ranh giới sử dụng thì diện tích là 3.493m². Việc diện tích sử dụng giảm nguyên nhân do trước đây được đo vẽ công cụ bằng tay nên không thể hiện chính xác. Nay đã đo vẽ lại diện tích thì ông C đồng ý theo diện tích là 3.493m² (400m² đất ở và 3093m² đất trồng cây lâu năm) vì đây là ranh giới đã sử dụng từ lâu, không có tranh chấp đối với các hộ xung quanh.

Như vậy:

Tổng diện tích đang sử dụng là 3.493 m² (400m² đất ở và 3093m² đất trồng cây lâu năm).

Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và nhà ở trên đất của ông C và bà V để lại theo Định giá tài sản là: 126.772.024 đồng.

- Về chia tài sản chung:

Đất cấp cho hộ ông Hộ A C2 và bà Hồ Thị V, thời điểm cấp đất (ngày 30/11/2004) trong hộ có 06 người là ông Hồ A C, bà Hồ Thị V, ông Hồ Ra Đ, ông Hồ Văn E, ông Hồ Văn R và bà Hồ Thị H (có xác nhận của Công an xã T).

Sau khi bà V chết thì tài sản là quyền sử dụng đất được chia thành 06 phần: $3.493\text{m}^2/6 \text{ người} = 582,16\text{m}^2$ và giá trị di sản của ngôi nhà.

Gia đình ông Hồ A C đã họp gia đình để thống nhất với nhau về việc phân chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế mà bà Hồ Thị V để lại, để tiện trong việc thực hiện các giao dịch liên quan đến Quyền sử dụng đất nêu trên.

Các con ông Hồ A C là Hồ Thị H, Hồ Ra Đ, Hồ Văn E, Hồ Thị N đồng ý phần tài sản được thừa kế và chia tài sản cho ông C.

Tuy nhiên, ông Hồ Văn R không đồng ý và bà Hồ Thị C1 không có ý kiến gì.

Vì vậy, ông Hồ A C khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ông Hồ A C được sử dụng, sở hữu tổng cộng: diện tích là $2861,6\text{m}^2$ (trong đó 300m^2 đất ở và $2.561,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) và ngôi nhà Sàn của ông C và bà V được xây dựng trên thửa đất ($62,7\text{m}^2$).

- Ông Hồ Văn R đang sử dụng số diện tích $631,4\text{m}^2$ đã tặng cho từ lâu, nên ông C sẽ giao diện tích đất $631,4\text{m}^2$ (có 100m^2 đất ở và $531,4\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm).

- Đối với bà Hồ Thị C1 được chia phần kỷ vật do bà V chết để lại theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Văn Đ1 trình bày.

Ông Hồ Văn Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Ra Đ, ông Hồ Văn E, bà Hồ Thị N và bà Hồ Thị H. Ông Đ1 tham gia phiên tòa sẽ quyết định toàn bộ nội dung vụ án theo Giấy ủy quyền ngày 08/5/2024. Thửa đất trên là của ông Hồ Văn C3 và bà Hồ Thị V, bà V chết vào ngày 31/12/2022 không để lại di chúc các con của ông bà là ông Hồ Ra Đ, ông Hồ Văn E, bà Hồ Thị N và bà Hồ Thị H đồng ý giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nói trên cho ông Hồ A C và đồng ý theo phương án chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Hồ A C.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn R và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị C1 vắng mặt và không có ý kiến gì.

- Nguyên đơn ông Hồ A C cung cấp: 01 Giấy CNQSDĐ của hộ ông Hồ A C (Bản phô tô chứng thực); 01 Trích lục khai tử bà Hồ Thị V; 06 Căn cước công dân Vông, C, N, Hàng, E, Đ; 06 Xác nhận thông tin cư trú; 01 Giấy xác nhận quan hệ hôn nhân Cát - Vông; 01 Giấy xác nhận Hồ Thị V và Hồ Thị V1 là một người; 01 Giấy xác nhận thành viên trong hộ gia đình; 01 Giấy chứng nhận hộ nghèo Hồ

A C, đơn xin miễn án phí; 01 đơn xin bổ sung nội dung khởi kiện ngày 07/5/2024.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn Đ1 cung cấp: Giấy ủy quyền ngày 08/5/2024.

- Tòa án thu thập chứng cứ: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản, Sơ đồ đo vẽ thửa đất; xác minh nguồn gốc đất kèm theo pho to sổ mục kê cấp đất cho hộ gia đình ông Hồ A C.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Đảm bảo sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Hồ A C và người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Văn Đ1 đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS;

Bị đơn ông Hồ Văn R và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị C1 không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự;

Điều 167, 179 Luật đất đai; Điều 66 Luật hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Hồ A C được chia 2.861,6m² đất và ngôi nhà xây dựng trên đất; Ông Hồ Văn R được chia 631,4m² đất và 2.533.633 đồng trị giá ngôi nhà. Sau khi đối trừ giá trị tài sản thì ông R phải bù chênh lệch cho ông Hồ A C số tiền 453.438 đồng; Ông Hồ A C có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C4 số tiền 4.707.470 đồng.

Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn, người có QLNVLQ phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ A C và bà Hồ Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1963 đến ngày bà Hồ Thị V mất (31/12/2022). Quá trình chung sống gia đình ông C5 và bà V được Nhà nước cấp 01 thửa đất số 49, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 592385 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2004 mang tên hộ ông Hồ A C và bà Hồ Thị V (Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông C có 06 thành viên). Ngày 31/12/2022 bà Hồ Thị V chết không để lại di chúc (theo giấy trích lục khai tử số 15/TLKT ngày 07/9/2023 của UBND xã T), đây là trường hợp thừa kế theo pháp luật. Gia đình ông Hồ A C không thỏa thuận được với nhau về tài sản bà Hồ Thị V để lại nên đã khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “Tranh chấp về phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Điều 33, 38, 59 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 2, 5, 9 Điều 26; Điều Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Hồ Văn R và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị C1. Tuy nhiên ông Hồ Văn R và bà Hồ Thị C1 từ chối nhận văn bản, Tòa án đã lập Biên bản theo quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Hồ Văn R và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị C1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Xác định thời điểm chia tài sản chung, thời điểm mở thừa kế:

Gia đình ông C bà V được Nhà nước cấp 01 thửa đất số 49, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 592385 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2004 mang tên hộ ông Hồ A C và bà Hồ Thị V. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông C có 06 thành viên gồm ông Hồ A C, bà Hồ Thị V và các con là Hồ Ra Đ, Hồ Văn E, Hồ Văn R và Hồ Thị H (Xác nhận của Công an xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị ngày 17/11/2023).

Ngày 31/12/2022 bà Hồ Thị V chết thì ba mẹ của bà V đều đã chết trước đó. Như vậy, thời điểm mở thừa kế là kể từ ngày 31/12/2022 và hàng thừa kế thứ nhất của bà Hồ Thị V gồm có 07 người bao gồm: Hồ A C (chồng bà V) và 06 người con là ông Hồ Ra Đ, ông Hồ Văn E, ông Hồ Văn R, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị H và bà Hồ

Thị C1 (Xác nhận của UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị ngày 01/4/2024) theo quy định tại Điều 611, 613 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Về chia tài sản chung:

Về quyền sử dụng đất: Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định thửa đất là 08 (cũ là 49); tờ bản đồ số 06 (cũ là 04); địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị có diện tích thửa đất thực tế là 3493m², trong đó có 400m² ONT và 3093m² CLN. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thửa đất là 3.552m². Tuy nhiên, sau khi đo vẽ lại hiện trạng và ranh giới sử dụng thì diện tích là 3.493m². Việc diện tích sử dụng giảm nguyên nhân do trước đây được đo vẽ công cụ bằng tay nên không thể hiện chính xác. Nay đã đo vẽ lại diện tích thì ông C đồng ý theo diện tích là 3.493m² (400m² đất ở và 3093m² đất trồng cây lâu năm) vì đây là ranh giới đã sử dụng từ lâu. Các đương sự không có ý kiến gì và UBND xã T không có tranh chấp đối với các hộ liền kề, nguồn gốc đất được cấp cho hộ gia đình. Có giá trị:

Đất ở: $400 \text{ m}^2 \times 150.000 \text{ đ/m}^2 = 60.000.000 \text{ đồng}$;

Đất trồng cây lâu năm: $3.093 \text{ m}^2 \times 10.120 \text{ đ/m}^2 = 31.301.160 \text{ đồng}$;

Về tài sản trên đất: Quá trình chung sống ông Hồ A C và bà Hồ Thị V xây dựng được một ngôi nhà sàn có trị giá: 35.470.864 đồng.

Ngoài ra, trên đất còn có ngôi nhà sàn của ông Hồ Văn E (con ông C bà V2) được xây dựng trên diện tích 78,4m² và ngôi nhà sàn của ông Hồ Văn R có diện tích 100,6m². Hai ngôi nhà này thuộc sở hữu riêng của ông Hồ Văn E và ông Hồ Văn R, không liên quan đến tài sản chung của ông C và bà V, không có tranh chấp, các bên không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

Như vậy, di sản của bà Hồ Thị V chết để lại, gồm:

Quyền sử dụng đất: $3.493\text{m}^2/6 \text{ người} = 582,16 \text{ m}^2$ (trong đó có 66,66 m² là đất ở). Như vậy, quyền sử dụng đất của ông Hồ A C, bà Hồ Thị V. Hồ Ra Đ, Hồ Văn E, Hồ Văn R và Hồ Thị H, mỗi người được hưởng là 582,16m² (trong đó có 66,66 m² là đất ở).

[2.3] Về chia di sản thừa kế:

Đối với quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị V gồm 582,16m² (trong đó có 66,66 m² là đất ở) được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 07 phần bằng. Mỗi phần có diện tích: $582,16 \text{ m}^2 / 7 = 83,16 \text{ m}^2$ (trong đó có 9,52 m² là đất ở).

Giá trị ngôi nhà: $35.470.864 \text{ đồng} / 2 = 17.735.432 \text{ đồng}$. Như vậy, giá trị ngôi nhà ông Hồ A C và bà Hồ Thị V, mỗi người được hưởng 17.735.432 đồng. Trị giá ngôi nhà sàn mà bà Hồ Thị V được hưởng 17.735.432 đồng được chia đều cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất, mỗi phần có trị giá: $17.735.432 \text{ đồng} / 7 = 2.533.633 \text{ đồng}$.

[2.4] Từ những phân tích như [2.2] và [2.3] trên thì phần tài sản và di sản ông Hồ Văn R được hưởng là: $582,16\text{m}^2$ đất (trong đó có $66,66\text{m}^2$ là đất ở) + $83,16\text{m}^2$ (trong đó có $9,52\text{m}^2$ là đất ở) = $665,32\text{m}^2$ đất (trong đó có $76,18\text{m}^2$ là đất ở). Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản được chia là 19.922.633 đồng (Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 17.389.000 đồng, ngôi nhà được chia là 2.533.633 đồng).

Ông Hồ Văn R hiện đang sử dụng số diện tích đất $631,4\text{m}^2$ (có tổng trị giá 20.378.000 đồng). Mặc dù diện tích đất đang sử dụng ít hơn diện tích được chia tài sản và thừa kế nhưng trị giá diện tích đất đang sử dụng lớn hơn diện tích đất được chia và thừa kế. Mặt khác, diện tích ông Hồ Văn R đang sử dụng ổn định, ông C, bà V đã tặng cho từ lâu, nên sẽ giao diện tích đất $631,4\text{m}^2$ (có 100m^2 đất ở và $531,4\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) cho ông Hồ Văn R sử dụng. Ông Hồ Văn R phải bù số tiền chênh lệch cho ông Hồ A C là: 455.367 đồng.

[2.5]. Phần di sản bà Hồ Thị C1 được hưởng gồm Quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị C1 được hưởng $83,16\text{m}^2$ đất (trong đó có $9,52\text{m}^2$ là đất ở). Hiện bà C1 đã lấy chồng và sinh sống tại nhà chồng ở địa phương khác, diện tích đất bà C1 được chia không đủ để tách quyền sử dụng đất nên cần giao toàn bộ diện tích đất này cho ông Hồ A C được sử dụng, ông C có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C1 giá trị quyền sử dụng đất và kỹ phần thừa kế mà bà C1 được hưởng. Cụ thể: ($9,52\text{m}^2$ đất ở x $150.000\text{đ}/\text{m}^2$) + ($73,64\text{m}^2$ đất TCLN x $10.120\text{đ}/\text{m}^2$) = 2.173.000 đồng và trị giá ngôi nhà được chia và 2.533.633 đồng. Như vậy ông Hồ A C có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C1 tổng số tiền: 4.707.000 đồng.

[2.6]. Phần di sản ông Hồ A C, bà Hồ Thị H, Hồ Ra Đ, Hồ Văn E mỗi người được hưởng gồm: $582,16\text{m}^2$ đất được chia (trong đó có $66,66\text{m}^2$ là đất ở) + $83,16\text{m}^2$ đất được chia thừa kế (trong đó có $9,52\text{m}^2$ là đất ở) = $665,32\text{m}^2$ đất. Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản mỗi người được nhận là 19.922.633 đồng (Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 17.389.000 đồng, ngôi nhà được chia là 2.533.633 đồng);

Phần di sản bà Hồ Thị N được chia gồm $83,16\text{m}^2$ đất trị giá 2.173.000 đồng và trị giá ngôi nhà được chia và 2.533.633 đồng. Tổng cộng 4.706.633 đồng.

Tuy nhiên Hồ Thị H, Hồ Ra Đ, Hồ Văn E, Hồ Thị N đồng ý giao phần tài sản được chia gồm quyền sử dụng đất và giá trị ngôi nhà cho ông Hồ A C được toàn quyền sử dụng và sở hữu nên cần chấp nhận giao toàn bộ diện tích đất $2861,6\text{m}^2$ (trong đó 300m^2 đất ở và $2.561,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) và 01 ngôi nhà Sàn được xây dựng trên diện tích đất ($62,7\text{m}^2$) cho ông Hồ A C sử dụng và sở hữu.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ và Chi phí định giá tài sản là 8.465.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ và thuận chịu toàn bộ chi phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban T quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

- Nguyên đơn ông Hồ A C là hộ nghèo năm 2024 và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho nguyên đơn.

- Bị đơn ông Hồ Văn R phải chịu án phí là 996.000 đồng trên tài sản được nhận.

- Bà Hồ Thị C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, 5, 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 66 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ các Điều 213, 219, 611, 612, 613, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 167, Điều 179 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quyền sử dụng đất:

Giao cho ông Hồ A C: Được sử dụng, sở hữu diện tích là 2861,6m² (trong đó 300m² đất ở và 2.561,6m² đất trồng cây lâu năm) và 01 ngôi nhà Sàn của ông C và bà V được xây dựng trên diện tích đất (62,7m²) cùng toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 08 (cũ là 49); tờ bản đồ số 06 (cũ là 04) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 592385 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2004 mang tên hộ ông Hồ A C và bà Hồ Thị V (Hồ Thị V1), địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vị trí, ranh giới được xác định: Từ các điểm 07, 08, 09, 02, 03, 04, 05, 06 theo Trích lục bản đồ ngày 04/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Giao cho ông Hồ Văn R: Được sử dụng, sở hữu diện tích đất là 631,4m² và tài sản gắn liền trên đất (có 100m² đất ở và 531.4m² đất trồng cây lâu năm), tại thửa đất số 08 (cũ là 49); tờ bản đồ số 06 (cũ là 04) theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số AB 592385 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2004 mang tên hộ ông Hồ A C và bà Hồ Thị V (Hồ Thị V1), địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vị trí, ranh giới được xác định: Từ các điểm 01, 02, 09, 08, 07 theo Trích lục bản đồ ngày 04/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Ông Hồ A C và ông Hồ Văn R có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất như đã giao.

(Có sơ đồ thửa đất ngày 04/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh H lập đính kèm).

2. Về nghĩa vụ bù trừ số tiền chênh lệch:

Ông Hồ Văn R có nghĩa vụ trả cho ông Hồ A C số tiền chênh lệch về giá trị chia tài sản chung và thừa kế số tiền là 455.000 đồng

Ông Hồ A C có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C1 số tiền được chia thừa kế là 4.707.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được thi hành án, mà bên phải thi hành án chậm thi hành việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ A C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn R phải chịu 996.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- CCTHADS huyện Hướng Hóa;
- UBND xã Thanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Lê Mạnh Lưu